

Số: /SGDDĐT-HCQT

Long An, ngày tháng 3 năm 2022

V/v hướng dẫn triển khai Bộ chỉ số
đánh giá mức độ chuyển đổi số
của các cơ sở GDPT và GDTX

Kính gửi:

- Các Phòng GD&ĐT huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở GD&ĐT.

Thực hiện Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Kế hoạch 789/KH-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030” trên địa bàn tỉnh Long An.

Sở GD&ĐT hướng dẫn các đơn vị tổ chức triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm 2023, như sau:

1. Đối với các Phòng thuộc Sở GD&ĐT

a) Giao phòng Hành chính – Quản trị phối hợp với các phòng chuyên môn của Sở GD&ĐT tổ chức giám sát, kiểm tra kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tham mưu Giám đốc ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục.

- Hàng năm tiến hành kiểm tra, tổng hợp kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục để báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh theo quy định và công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trên cổng thông tin điện tử Sở GD&ĐT, đồng thời cập nhật kết quả đánh giá trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành theo quy định **hoàn thành trước 20 tháng 6 hàng năm.**

b) Giao phòng Hành chính – Quản trị chủ trì phối hợp với các phòng có liên quan để tham mưu Giám đốc quyết định lấy kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên làm tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá thi đua của các đơn vị và cá nhân Thủ trưởng đơn vị.

2. Đối với các Phòng GD&ĐT

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn quản lý. Tổ chức triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo từng năm học.

b) Tổ chức giám sát, kiểm tra kết quả đánh giá tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định. Tổng kết và công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của các đơn vị trên trang thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT. Cập nhật kết quả đánh giá trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành theo quy định, đồng thời tổng hợp báo cáo về Sở GD&ĐT **trước ngày 10 tháng 6 hàng năm.**

3. Đối với các cơ sở giáo dục

a) 100% các cơ sở giáo dục phải xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số và phân công, giao trách nhiệm cụ thể của từng thành viên đơn vị.

b) Hàng năm phải triển khai tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị (theo phụ lục đính kèm), đảm bảo việc tự đánh giá phải sát thực tế, khách quan, trung thực.

c) Báo cáo kết quả tự đánh giá và thông tin, minh chứng phục vụ việc đánh giá gửi về cơ quan quản lý trực tiếp (Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT); cập nhật kết quả tự đánh giá lên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành theo quy định **trước ngày 31 tháng 5 hàng năm.**

Trên đây là hướng dẫn tổ chức triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh. Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc xin báo cáo về Sở GD&ĐT (Phòng Hành chính – Quản trị - bà Châu Thị Kim Uyên, SĐT: 0977316529) để có biện pháp khắc phục./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD;
- Lưu: VT, HCQT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hồng Phúc

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-HCQT ngày /3/2023)

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100			
1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				Kế hoạch (Điều kiện bắt buộc)
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				Quy chế (Điều kiện bắt buộc)
1.3	<p>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). <p>Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. 	30	<p><i>Tối đa 6 điểm</i></p> <p><i>Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.</i></p>	<p>Mức độ 1: dưới 10 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 10 -20 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 20 điểm</p>	Đường link, Báo cáo
1.4	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	<ul style="list-style-type: none"> - Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm. - Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm. - Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 	<p>Mức độ 1: dưới 4 điểm</p> <p>Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm</p> <p>Mức độ 3: trên 7 điểm</p>	Đường link và số lượng học liệu Báo cáo

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
			10 điểm		
1.4	Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	20	Tối đa 15 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm	Quy chế /Kế hoạch /văn bản triển khai
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 5 điểm	Mức độ 3: trên 14 điểm	
1.5	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Báo cáo
1.6	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm		
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	<20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm	Mức độ 1: dưới 8 điểm Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm Mức độ 3: trên 14 điểm	Báo cáo
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học ¹		Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa		

¹ **Mức độ 1** (chưa đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có nhiều hơn 3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có nhiều hơn 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT có nhiều hơn 1 học sinh phải học chung 1 máy tính. **Mức độ 2** (đáp ứng cơ bản yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học có 2-3 học sinh phải học chung 1 máy tính; THCS có 2 học sinh phải học chung 1 máy tính; THPT mỗi học sinh được học 1 máy tính. **Mức độ 3** (đáp ứng tốt yêu cầu dạy môn tin học): Với Tiểu học đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THCS đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính; THPT đáp ứng mỗi học sinh học trên 1 máy tính.

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm Tối đa 5 điểm		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100			
2.1	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				Quyết định (Điều kiện bắt buộc)
2.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				Kế hoạch (Điều kiện bắt buộc)
2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường		Tối đa 6 điểm + Có triển khai: 4 điểm + Có triển khai, có quy chế: 6 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	70	Tối đa 6 điểm + Có thực hiện nhưng dữ liệu chưa đầy đủ: 4 điểm + Có thực hiện, dữ liệu đầy đủ: 6 điểm	Mức độ 1: dưới 20 điểm Mức độ 2: từ 20-50 điểm Mức độ 3: trên 50 điểm	Đường link/ Quy chế/ văn bản hướng dẫn, Báo cáo
	- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử		File PDF: tối đa 3 điểm; Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm		
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		Tối đa 6 điểm + Có thực hiện nhưng dữ liệu chưa đầy đủ: 4 điểm + Có thực hiện,		

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
			<i>dữ liệu đầy đủ: 6 điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		<i>Tối đa 10 điểm + Có thực hiện nhưng dữ liệu chưa đầy đủ: 6 điểm + Có thực hiện, dữ liệu đầy đủ: 10 điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		<i>Tối đa 10 điểm + Có thực hiện nhưng dữ liệu chưa đầy đủ: 6 điểm + Có thực hiện, dữ liệu đầy đủ: 10 điểm</i>		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		<i>Tối đa 6 điểm + Có thực hiện nhưng dữ liệu chưa đầy đủ: 4 điểm + Có thực hiện, dữ liệu đầy đủ: 6 điểm</i>		
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)		<i>Tối đa 6 điểm</i>		
	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web)		<i>Tối đa 8 điểm</i>	Mức độ 1: dưới 10 điểm	Đường link/ Quy chế/ Văn bản, Báo cáo
2.4	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:	30	<i>Tối đa 12 điểm</i>	Mức độ 2: từ 10-18 điểm	
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		<i>Tối đa 10 điểm - Có triển khai: 2 điểm - Tỷ lệ thực hiện</i>	Mức độ 3: trên 18 điểm	

ST T	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
			<i>thanh toán không dùng TM trên tổng thu: + Trên 20%: 4 điểm + Trên 60%: 6 điểm + Trên 80%: 8 điểm</i>		